

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-PT

Ngày 10-8-2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tiến Hiệp

*Các thẩm phán:* Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thế Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLPT- DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; trú tại: Tổ 40, ấp Hiệp Hoàn, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (vắng mặt); người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Minh T, sinh năm 1970; trú tại: tổ 12, khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

***- Bị đơn:*** Bà Phạm Hoàng Mỹ D, sinh năm 1991 và ông Mầu Tiến C, sinh năm 1985; cùng trú tại: ấp Hiệp Quyết, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (cùng vắng mặt); người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Ngô Quốc Ch, sinh năm 1973; trú tại: Số 420 Quốc lộ 14, khu phố P, phường T, Tp. Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

***Người kháng cáo:*** Bà Phạm Hoàng Mỹ D và ông Mầu Tiến C.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Minh T trình bày:*

Trước ngày 23/02/2021, bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng bà Phạm Hoàng Mỹ D và ông Mậu Tiến C vay tiền nhiều lần. Đến ngày 23/02/2021, hai bên thống nhất chốt lại số tiền bà L cho bà D, ông C vay là 570.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền - cam kết chuyển nhượng bằng quyền sử dụng đất”. Hai bên thỏa thuận vợ chồng bà D, ông C sẽ hoàn trả số tiền 570.000.000 đồng cho bà L trong vòng một năm kể từ ngày vay. Vợ chồng bà D, ông C thế chấp diện tích đất mặt đường nhựa (có chiều rộng 05m và chiều dài 25m) đối diện nhà máy chế biến mủ cao su Lộc Hiệp cho bà L. Hai bên thỏa thuận nếu trong vòng một năm vợ chồng bà D, ông C không trả đủ số tiền đã vay thì bà L được quyền sử dụng diện tích đất trên; vợ chồng bà D, ông C có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, sau khi viết giấy trên, hai bên có thỏa thuận lại là hàng tháng vợ chồng bà D, ông C sẽ trả nợ cho bà L mỗi tháng từ 10.000.000 đồng cho đến 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi mỗi tháng cho đến khi trả hết tiền số nợ 570.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Từ lúc thỏa thuận lại cho đến nay, vợ chồng bà D, ông C chỉ trả cho bà L hai lần tiền lãi, cụ thể: Trả 4.800.000 đồng vào tháng 4/2021 và 4.000.000 đồng vào tháng 5/2021.

Do vợ chồng bà D, ông C đã vi phạm thỏa thuận trả tiền nên bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết: Buộc bà Phạm Hoàng Mỹ D và ông Mậu Tiến C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L 570.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trên số tiền gốc, tính từ ngày 24/02/2021 cho đến nay (ngày 27/12/2021) với mức lãi suất là 20%/năm (1,67%/tháng), thành tiền là 95.000.000 đồng (làm tròn), được trừ đi số tiền lãi 8.800.000 đồng bà D, ông C đã trả, còn lại là 86.200.000 đồng.

*Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Ngô Quốc Ch trình bày:*

Trước ngày 23/02/2021, bà L cho vợ chồng D, C vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 370.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ, nên ngày 23/02/2021, tại nhà bà L, vợ chồng bà D, ông C có viết “giấy mượn tiền – cam kết chuyển nhượng bằng quyền sử dụng đất”. Giấy ghi số tiền mượn (vay) 570.000.000 đồng là không đúng, số tiền này là bao gồm cả tiền lãi (370.000.000 tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi). Mặt khác, theo nội dung thỏa thuận trong giấy này thì phía bị đơn chưa đến hạn thanh toán tiền cho bên nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn chưa có quyền khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

*Tại Bản án sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L.

- Buộc bà Phạm Hoàng Mỹ D và ông Mậu Tiến C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi là 37.256.000 (ba mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng. Tổng cộng là 607.256.000 (sáu trăm lẻ bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và các chi tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện L nhận được đơn của bà D, ông C kháng cáo Bản án số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, với các lý do: Chưa đến hạn bà D, ông C phải trả nợ nên bà L chưa được quyền khởi kiện; ông bà vay tiền của bà L nhiều lần cộng dồn lại và số tiền lãi ông bà đã trả cho bà L đã vượt quá số tiền vay. Vì vậy, ông C, bà D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà L, đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, áp dụng Điều 470 BLDS, các Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 1 Điều 289, 311 BLTTDS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước và đình chỉ giải quyết vụ án.

### **NHẬN CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận ngày 23/02/2021 các bên có ký kết “giấy mượn tiền – cam kết chuyển nhượng bằng quyền sử dụng đất”, có Trưởng ấp Hiệp Hoàn, xã L là ông Trần Hồng Schúng kiến, trong đó có nội dung bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng bà Phạm Hoàng Mỹ D, ông Mậu Tiến C vay 570.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm.

[2] Bị đơn và người đại diện của bị đơn cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy được ghi trước ngày 23/02/2021 có chữ viết và chữ số viết tay để cho rằng thực tế số tiền gốc nguyên đơn cho bị đơn vay chỉ là 370.000.000 đồng. Số tiền 570.000.000 đồng là bao gồm cả tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, khi các bên ký kết “giấy mượn tiền – cam kết chuyển nhượng bằng quyền sử dụng đất” có cả vợ chồng bà D ông C, có sự chứng kiến của trưởng ấp là ông Trần Hồng S nên không có dấu hiệu nào cho thấy bà D ông C bị đe dọa hay bị ép buộc phải ký giấy nhận nợ. Việc chốt nợ và nhận nợ được thực hiện khi các bên hoàn toàn có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, có căn cứ xác định bà L với bà D, ông C đã nhiều lần vay tiền nhau, đến ngày 23/02/2021 các bên đã thống nhất chốt nợ với nội dung bà D và ông C còn nợ là L số tiền 570.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn cho rằng sau khi ký nhận “giấy mượn tiền - cam kết chuyển nhượng bằng quyền sử dụng đất” thì hai bên có thỏa thuận lại là hàng tháng bị đơn sẽ trả nợ cho nguyên đơn mỗi tháng từ 10.000.000 đồng cho đến 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi mỗi tháng cho đến khi trả hết số nợ 570.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng thừa nhận sau khi viết giấy xác định số tiền nợ 570.000.000 đồng thì bị đơn đã trả tiền lãi cho nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng, điều này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn là “Từ lúc thỏa thuận cho đến nay, vợ chồng D, C chỉ trả cho bà hai lần tiền lãi, cụ thể: Trả số tiền 4.800.000 đồng vào tháng 4/2021 và trả số tiền 4.000.000 đồng vào tháng 5/2021”. Như vậy, sau khi thống nhất khoản nợ 570.000.000 đồng thì bà L với bà D, ông C có thỏa thuận về tiền lãi đối với khoản nợ này. Việc bị đơn bà D, ông C cho rằng hai bên không thỏa thuận về tiền lãi là không phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận.

[4] Về mức lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án các bên không xác định rõ mức lãi suất và có tranh chấp về số tiền lãi đã trả. Vì vậy, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể, bà Phạm Hoàng Mỹ D và ông Mầu Tiến C phải trả cho bà Nguyễn Thị L tiền lãi tính từ ngày 24/02/2021 cho đến ngày Tòa án tuyên án sơ thẩm (ngày 27/12/2021) với mức lãi suất là 10%/năm (0,8%/tháng), cụ thể được tính như sau: 570.000.000 đồng x 0,8% x 10 tháng 03 ngày, thành tiền là 46.056.000 đồng, được trừ số tiền lãi bà L đã nhận 8.800.000 đồng, còn lại 37.256.000 đồng.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn thế chấp cho nguyên đơn: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định nguyên đơn đã trả cho bị đơn. Việc thế chấp giữa hai bên cũng chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật; bà L và vợ chồng bà D ông C không yêu cầu giải quyết về phần này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi cho

nguyên đơn là có cơ sở nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của mình không được chấp nhận là  $48.944.000 \times 5\%$ , thành tiền là 2.447.200 đồng. Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà L được miễn án phí theo quy định.

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 607.256.000 đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn, thành tiền là 28.290.240 đồng.

Đối với đơn xin miễn giảm án phí của ông C bà D có xác nhận của UBND xã L về nơi cư trú mà không có nội dung liên quan đến điều kiện miễn giảm án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bà D, ông C không được chấp nhận nên bà D, ông C phải chịu.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Phạm Hoàng Mỹ D và ông Mâu Tiến C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 148; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Phạm Hoàng Mỹ D và ông Mâu Tiến C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 570.000.000 đồng tiền nợ gốc và 37.256.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 607.256.000 (Sáu trăm lẻ bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị L.

Ông Mậu Tiến C và bà Phạm Hoàng Mỹ D phải liên đới chịu 28.290.240 (Hai mươi tám triệu, hai trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mậu Tiến C và bà Phạm Hoàng Mỹ D phải chịu 600.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông C, bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009727 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước. Số tiền án phí dân sự phúc thẩm ông C, bà D còn phải nộp là 300.000 đồng.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Phạm Tiến Hiệp**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thị Quý Chi**

**Bùi Thanh Thảo**

**Phạm Tiến Hiệp**